



Người ký: Bộ Công
Thương
Tổ chức: Bộ Công thương
Ngày ký: 12/06/2026

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **14 0 6** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày **12** tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Chương trình hành động của Bộ Công Thương
triển khai Quyết định số 626/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2026
của Thủ tướng Chính phủ
về Chương trình "Vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026–2030"**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP;

*Căn cứ Quyết định số 626/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình "Vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn
2026–2030";*

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xúc tiến thương mại,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Bộ Công Thương triển khai Quyết định số 626/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình "Vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026–2030".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Cục trưởng Cục Xúc tiến thương mại, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Ngoại giao, NHNN, KH&ĐT, NN&MT, KH&CN, VHTTDL;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố;
- VCCI và các hiệp hội doanh nghiệp;
- Các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ CT;
- Cổng thông tin điện tử Bộ CT;
- Lưu: VT, XTTM.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân

Chương trình hành động của Bộ Công Thương
triển khai Quyết định số 626/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2026
của Thủ tướng Chính phủ
về Chương trình "Vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026–2030"
(Ban hành kèm theo Quyết định số 14 0 6 /QĐ-BCT ngày 12 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này ban hành Chương trình hành động của Bộ Công Thương triển khai Quyết định số 626/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình "Vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026–2030" (sau đây gọi là Chương trình GoGlobal).

2. Chương trình hành quy định đối tượng áp dụng, nguyên tắc triển khai, các nhiệm vụ trọng tâm, phân công trách nhiệm, cơ chế giám sát, đánh giá, báo cáo, tổ chức thực hiện trong giai đoạn 2026–2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các đơn vị thuộc Bộ Công Thương, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến việc triển khai Chương trình GoGlobal trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Điều 3. Nguyên tắc triển khai

1. Bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các chiến lược, quy hoạch, chương trình có liên quan.

2. Bảo đảm tính kế thừa, đồng bộ, gắn kết chặt chẽ giữa Kế hoạch hành động với các kế hoạch, chương trình, đề án khác của Bộ Công Thương.

3. Hỗ trợ tập trung, trọng tâm, trọng điểm, đột phá; không dàn trải; cụ thể, khả thi và triển khai được ngay; không trái với cam kết quốc tế, pháp luật của nước sở tại và phù hợp với định hướng ưu tiên quốc gia trong từng thời kỳ.

4. Kết hợp khai thác tối đa các cơ chế, chương trình, nguồn lực hiện có với nghiên cứu, thí điểm mô hình và cơ chế hỗ trợ mới phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

5. Ứng dụng tối đa chuyển đổi số trong triển khai, theo dõi và đánh giá hiệu quả Chương trình.

6. Phối hợp đồng bộ, hiệu quả giữa các Cục, Vụ trong Bộ; giữa Bộ Công Thương với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.

CHƯƠNG II. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

Điều 4. Cục Xúc tiến thương mại

1. Là đơn vị đầu mối của Bộ Công Thương, chịu trách nhiệm chủ trì tham mưu Lãnh đạo Bộ điều phối tổng thể Chương trình GoGlobal; đề xuất Bộ Công Thương thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình, ban hành quy chế về quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chương trình, hoàn thành trong quý II năm 2026; thành lập Văn phòng Chương trình để giúp Bộ Công Thương quản lý Chương trình, xây dựng kế hoạch hành động hàng năm, tổng hợp báo cáo của Chương trình gửi Thủ tướng Chính phủ trước ngày 25 tháng 12 hàng năm.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ:

a) Rà soát, nâng cấp và hoàn thiện bộ nhận diện thương hiệu quốc gia, đăng ký bảo hộ, áp dụng chung cho tất cả sản phẩm, dịch vụ Việt Nam đáp ứng được các tiêu chí của Chương trình Thương hiệu quốc gia để sử dụng thống nhất trên thị trường trong nước, quốc tế; bảo đảm hình ảnh quốc gia nhất quán, chuyên nghiệp và dễ nhận biết; tạo điều kiện thuận lợi để các ngành hàng cùng phát huy giá trị thương hiệu chung của quốc gia, hoàn thành trong quý IV năm 2026.

b) Xây dựng và quản lý GoGlobal Platform, tạo nền tảng thông tin cập nhật và ổn định dài hạn cho doanh nghiệp vươn ra thị trường quốc tế trên cơ sở tích hợp hệ thống sẵn có, chia sẻ dữ liệu (được trích xuất, đồng bộ từ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu sẵn có của các đơn vị thuộc Bộ), kết nối với các thị trường và tổ chức quốc tế; mạng lưới hiệp hội, tổ chức và cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; mạng lưới các nhà đầu tư, các nhà mua hàng quốc tế; chia sẻ dữ liệu, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, kết quả thực hiện Chương trình; cung cấp thông tin về các hỗ trợ, ưu đãi dành cho doanh nghiệp; tiếp nhận nhu cầu và phản hồi của hiệp hội, doanh nghiệp và các bên liên quan tham gia Chương trình. Vận hành ổn định từ Quý II/2027.

c) Tổ chức GoGlobal Forum hàng năm, nghiên cứu khả năng tổ chức lần đầu tiên vào quý IV năm 2026.

d) Tư vấn chuyên sâu cho doanh nghiệp xây dựng chiến lược đầu tư quốc tế và mô hình xâm nhập thị trường phù hợp như hợp đồng hợp tác kinh doanh (BOT, PPP, BCC, BTO...), thành lập công ty, văn phòng đại diện, liên doanh với công ty địa phương hoặc công ty quốc tế; thành lập chi nhánh, nhượng quyền, hợp đồng cấp phép; M&A; góp vốn, mua cổ phần...

đ) Hỗ trợ doanh nghiệp kết nối và đầu tư phát triển tại thị trường mục tiêu; hỗ trợ chuyên sâu về pháp lý và đàm phán hợp đồng đầu tư, sở hữu trí tuệ, tuân thủ pháp luật sở tại; giải quyết tranh chấp; đăng ký bằng sáng chế, bản quyền phần mềm, nhãn hiệu tại các thị trường trọng điểm; thông tin chuyên sâu về môi trường đầu tư kinh doanh quốc tế, pháp lý, thuế quan, rủi ro đầu tư; chiến lược phát triển, thu hút đầu tư của các thị trường chiến lược.

e) Tổ chức các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp về xúc tiến đầu tư kinh doanh tại các thị trường trọng điểm, làm việc trực tiếp với các nhóm đối tác liên

quan; tham gia các đoàn công tác của Chính phủ, bộ, ngành và địa phương; triển khai các diễn đàn, hội nghị, các chương trình kết nối đối tác trong và ngoài nước...; kết nối doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp của nước sở tại để tạo liên minh chiến lược; tiếp cận khách hàng đúng phân khúc và tiếp cận công nghệ nguồn ở nước ngoài.

g) Hỗ trợ chuyên biệt, toàn diện cho một nhóm doanh nghiệp tiêu biểu, có năng lực thị trường, tài chính xây dựng và triển khai chiến lược quốc tế hóa thông qua đầu tư M&A trong các ngành chiến lược ở nước ngoài để thúc đẩy chuyển giao công nghệ cao, tiếp cận mô hình quản lý tiên tiến theo toàn bộ chu trình dự án như: Cung cấp, hỗ trợ thông tin và hệ thống cơ sở dữ liệu M&A toàn cầu và các thị trường chiến lược; kết nối mạng lưới đối tác nước ngoài; tư vấn, hỗ trợ đàm phán hợp đồng, tư vấn về pháp lý và quy định về M&A của các thị trường, ngành hàng chiến lược; hỗ trợ, hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện M&A ở nước ngoài (cấp phép đầu tư, chuyển tiền ra nước ngoài, bảo lãnh tín dụng đầu tư...); hỗ trợ kết nối với mạng lưới chuyên gia, tổ chức khoa học và công nghệ uy tín trong nước và quốc tế để đánh giá, thẩm định công nghệ và tài sản trí tuệ...

h) Tổ chức các sự kiện kết nối B2B giữa doanh nghiệp Việt Nam và tập đoàn đầu chuỗi quốc tế.

i) Tổ chức các hoạt động vinh danh cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu vươn ra thị trường quốc tế; các mô hình thành công, tạo giá trị đột phá, các điển hình doanh nhân sáng tạo vượt khó vươn ra thị trường quốc tế.

k) Triển khai chiến dịch xúc tiến thương mại số quốc tế.

l) Hướng dẫn các địa phương xây dựng Chương trình địa phương vươn ra thị trường quốc tế (Chương trình Local Go Global) bảo đảm thống nhất và đồng bộ với Chương trình quốc gia.

m) Tổ chức đánh giá giữa kỳ (2028) và tổng kết Chương trình (2030).

Điều 5. Cục Thương mại điện tử và kinh tế số

1. Đào tạo, tư vấn, kết nối nhà cung cấp giải pháp cho doanh nghiệp kinh doanh quốc tế các dịch vụ Chatbot AI, công nghệ quản lý khách hàng, tự động hóa chăm sóc khách hàng, xử lý bảo hành, quản lý chuỗi cung ứng, tối ưu hóa các hoạt động vận chuyển, quản lý kho bãi, truy xuất nguồn gốc hàng hóa.

2. Đào tạo và tư vấn chuyên sâu cho doanh nghiệp chuyển đổi mô hình kinh doanh số và xuất khẩu trực tuyến B2C; xây dựng và duy trì vận hành gian hàng trên các nền tảng thương mại điện tử xuyên biên giới; xây dựng lộ trình xâm nhập thị trường cho từng doanh nghiệp; phát triển thương hiệu và xúc tiến xuất khẩu trên nền tảng số, chăm sóc khách hàng quốc tế, thanh toán quốc tế.

3. Đồng hành, hướng dẫn doanh nghiệp đàm phán, ký kết các hợp tác, thỏa thuận với các sàn thương mại điện tử quốc tế; xử lý tranh chấp, bảo hộ sở hữu trí tuệ trên nền tảng thương mại điện tử xuyên biên giới.

4. Xây dựng và triển khai chương trình dán nhãn cho các doanh nghiệp uy tín của Việt Nam trên môi trường số (Trust Mark) cho các doanh nghiệp kinh doanh, bán hàng, cung cấp sản phẩm, dịch vụ uy tín trên môi trường số.

5. Chủ trì, phối hợp với Cục Xúc tiến thương mại triển khai tổ chức các sự kiện như “Tuần lễ thương mại số - Vietnam Digital Export Week” trên các sàn thương mại điện tử xuyên biên giới.

6. Hỗ trợ doanh nghiệp kết nối giải pháp logistics thương mại điện tử xuyên biên giới; tư vấn pháp lý, hỗ trợ giải quyết tranh chấp và rào cản thương mại xuyên biên giới.

Điều 6. Cục Xuất nhập khẩu

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn quy tắc xuất xứ hàng hóa để tận dụng ưu đãi thuế quan theo các Hiệp định Thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên.

2. Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển dịch vụ hậu cần logistics kinh doanh quốc tế và quản lý chuỗi cung ứng quốc tế, tối ưu hóa các hoạt động vận chuyển, quản lý kho bãi và truy xuất nguồn gốc hàng hóa.

Điều 7. Cục Công nghiệp

1. Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cấp chuỗi sản xuất trong nước và tăng cường năng lực nội địa hóa.

2. Nâng cao năng lực sản xuất phụ tùng, cụm linh kiện, nguyên vật liệu, linh kiện cho sản xuất, lắp ráp các sản phẩm công nghiệp hoàn chỉnh, đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp đầu chuỗi.

3. Hỗ trợ, tư vấn chuyển giao công nghệ, mua bán công nghệ, bí quyết kinh doanh.

4. Xây dựng và phát triển mạng lưới các nhà cung cấp trong nước;

5. Xây dựng danh mục thiết bị, linh phụ kiện đầu vào, sản phẩm xuất khẩu có thể sản xuất trong nước phù hợp với yêu cầu của các doanh nghiệp dẫn đầu chuỗi.

6. Thiết lập các kênh liên lạc, trao đổi thông tin để hỗ trợ doanh nghiệp tăng cường phát triển mạng lưới đối tác, chia sẻ các thông tin về nhu cầu mua hàng.

7. Triển khai các chương trình đào tạo, hướng dẫn chuyên sâu về nâng cao năng lực cho các nhà cung cấp trong nước.

8. Phối hợp Cục Xúc tiến thương mại tổ chức các sự kiện kết nối B2B giữa doanh nghiệp Việt Nam và tập đoàn đầu chuỗi quốc tế.

Điều 8. Cục Đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh và khuyến công

1. Hỗ trợ, tư vấn chuyên sâu cho doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu tham gia chuỗi về giảm phát thải: tiêu chuẩn sản phẩm, chứng nhận xuất xứ về dấu

chân các-bon, báo cáo chuỗi cung ứng và thẩm định doanh nghiệp (due diligence) về khai báo giảm phát thải các-bon, tuần hoàn vật liệu, bảo vệ đa dạng sinh học...

2. Xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh phát thải thấp, đáp ứng các yêu cầu của thị trường xuất khẩu.

3. Triển khai các gói hỗ trợ toàn diện cho doanh nghiệp nâng cấp tham gia chuỗi giá trị toàn cầu (hỗ trợ về đầu tư, nghiên cứu và phát triển sản phẩm, cải tiến và nâng cấp công nghệ, hỗ trợ về đất đai, hạ tầng, các hỗ trợ về thuế, phí, nâng cao năng lực... theo các quy định hiện hành) như đầu tư nâng cấp sản xuất linh kiện, vật liệu trong nước; nghiên cứu, phát triển và đổi mới sản phẩm, quy trình sản xuất; thực hiện xanh hóa chuỗi (hỗ trợ tuân thủ các quy định về môi trường và sản xuất bền vững).

Điều 9. Vụ Phát triển thị trường nước ngoài

1. Chủ trì khai thác, điều phối mạng lưới Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài hỗ trợ triển khai Chương trình GoGlobal; thu thập, tổng hợp và cung cấp thông tin thị trường, chính sách, cơ hội đầu tư, kinh doanh quốc tế.

2. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các kênh phân phối ở nước ngoài: đàm phán, kết nối với nhà phân phối bán buôn, bán lẻ quốc tế; đáp ứng các yêu cầu, quy định, tiêu chuẩn tham gia mạng lưới của các nhà phân phối quốc tế.

3. Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển hệ thống phân phối hàng hóa Việt Nam ở nước ngoài (kho bãi, văn phòng đại diện, trung tâm giới thiệu sản phẩm, trung tâm logistics, đại lý, nhượng quyền thương mại, hệ thống bán buôn, bán lẻ...).

4. Hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm, xác minh và kết nối đối tác xuất nhập khẩu, đầu tư, thương mại, logistics, tài chính và công nghệ tại thị trường nước ngoài.

5. Hỗ trợ doanh nghiệp khảo sát thị trường, làm việc với cơ quan quản lý, hiệp hội doanh nghiệp và đối tác sở tại nhằm thúc đẩy hoạt động đầu tư, kinh doanh tại nước ngoài.

Điều 10. Vụ Chính sách thương mại đa biên

1. Xây dựng và triển khai Chương trình nâng cao năng lực doanh nghiệp tận dụng các Hiệp định thương mại tự do (FTA) trong khuôn khổ Chương trình GoGlobal; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tham gia Chương trình nâng cao năng lực khai thác các cam kết FTA, đáp ứng quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu phát triển bền vững và các điều kiện tiếp cận thị trường quốc tế.

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng lộ trình nâng cao năng lực cho doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tham gia Chương trình nhằm tận dụng hiệu quả các FTA; đề xuất và tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các FTA trong khuôn khổ Chương trình GoGlobal.

3. Chủ trì nghiên cứu, đề xuất các thị trường, ngành hàng ưu tiên triển khai Chương trình GoGlobal trên cơ sở các cam kết FTA mà Việt Nam là thành viên và xu hướng phát triển của thương mại toàn cầu.

4. Theo dõi, tổng hợp tình hình thực thi các cam kết thương mại quốc tế có liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp Việt Nam; nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, xử lý các rào cản chính sách và các vấn đề phát sinh ảnh hưởng đến doanh nghiệp tham gia Chương trình GoGlobal.

Điều 11. Vụ Kế hoạch, tài chính và quản lý doanh nghiệp

1. Tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ dự toán ngân sách hàng năm cho Chương trình GoGlobal;

2. Đề xuất cơ chế hỗ trợ tài chính, huy động PPP và xã hội hóa nguồn lực.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thuộc Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng đề án thành lập mô hình Quỹ hoặc hình thức phù hợp để hỗ trợ doanh nghiệp vươn ra thị trường quốc tế; báo cáo cấp có thẩm quyền trong Quý IV/2026.

4. Theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng kinh phí Chương trình.

5. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc các Bộ, ngành liên quan hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các kênh huy động vốn trong và ngoài nước, bao gồm quỹ đầu tư mạo hiểm, các tổ chức tài chính và quỹ đầu tư quốc tế, các ngân hàng thương mại, các chương trình tài trợ quốc tế về nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ nhằm mở rộng cơ hội huy động vốn cho các dự án đầu tư ra nước ngoài. Cung cấp các gói hỗ trợ chuyên biệt, toàn diện về vốn, tín dụng, bảo hiểm, bảo lãnh đầu tư ra nước ngoài, hỗ trợ nâng cao năng lực... từ các quỹ, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp hiện hành.

Điều 12. Vụ Pháp chế

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài Bộ thường xuyên rà soát, đề xuất giải pháp giải quyết các điểm nghẽn về thể chế, chính sách và pháp luật để hỗ trợ, khuyến khích và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp vươn ra thị trường quốc tế.

2. Phối hợp với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam nghiên cứu thành lập Hiệp hội doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài (Vietcham) ở một số thị trường trọng điểm, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong quý IV năm 2026.

Điều 13. Cục Phòng vệ thương mại

1. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Chương trình ứng phó với các vụ điều tra phòng vệ thương mại do nước nhập khẩu tiến hành, bao gồm: tư vấn quy trình điều tra và quyền lợi của bên bị điều tra theo pháp luật từng thị trường; hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ trả lời bảng câu hỏi điều tra; hỗ trợ kết nối với luật sư phòng vệ thương mại quốc tế; thực hiện các biện pháp can thiệp ở cấp nhà nước trong

trường hợp vụ việc liên quan đến cáo buộc trợ cấp cần có phản biện chính thức của Chính phủ Việt Nam.

2. Tư vấn cho doanh nghiệp về xu hướng điều tra, quy định và thực tiễn áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại của các thị trường xuất khẩu; cung cấp thông tin, cảnh báo sớm và khuyến nghị cho doanh nghiệp trong hoạt động xuất khẩu nhằm giảm thiểu rủi ro bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại.

3. Phối hợp với Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương lồng ghép nội dung phòng vệ thương mại vào chương trình đào tạo và tư vấn doanh nghiệp GoGlobal.

4. Tổng hợp, cung cấp dữ liệu về tình hình phòng vệ thương mại đối với hàng xuất khẩu và doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài để phục vụ xây dựng bộ chỉ số GoGlobal Index.

Điều 14. Ủy ban Cạnh tranh quốc gia

1. Cung cấp thông tin cảnh báo về chính sách cạnh tranh, kiểm soát M&A và các rủi ro pháp lý liên quan tại các thị trường trọng điểm đối với doanh nghiệp Việt Nam đầu tư, kinh doanh ở nước ngoài. Thông tin được tích hợp trên Vietnam GoGlobal Platform và đưa vào các chương trình đào tạo doanh nghiệp trong khuôn khổ Chương trình.

2. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Chương trình thực hiện các giao dịch M&A xuyên biên giới; hỗ trợ kết nối với tư vấn pháp lý cạnh tranh quốc tế; thực hiện trao đổi cấp cơ quan với cơ quan quản lý cạnh tranh nước sở tại trong trường hợp giao dịch M&A có quy mô lớn hoặc thuộc ngành nhạy cảm cần có sự phối hợp song phương.

3. Phối hợp với Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương lồng ghép nội dung pháp luật cạnh tranh quốc tế vào chương trình đào tạo và tư vấn doanh nghiệp GoGlobal, đặc biệt đối với nhóm doanh nghiệp được hỗ trợ chuyên sâu đầu tư ra nước ngoài theo phương thức M&A.

4. Phối hợp với các cơ quan quản lý cạnh tranh trong khuôn khổ các hiệp định thương mại tự do và cơ chế hợp tác song phương, đa phương mà Việt Nam là thành viên để bảo vệ lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp Việt Nam trong các tranh chấp cạnh tranh phát sinh tại thị trường nước ngoài.

Điều 15. Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách Công Thương

1. Xây dựng và hoàn thành bộ chỉ số GoGlobal Index để cụ thể hóa các mục tiêu thực hiện Chương trình trên cơ sở tham khảo thông lệ quốc tế và điều kiện thực tế của Việt Nam trong quý I năm 2027.

2. Nghiên cứu chuyên đề thị trường, ngành hàng phục vụ Chương trình.

3. Hình thành và quản lý mạng lưới chuyên gia tư vấn GoGlobal, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, mạng lưới chuyên gia tư vấn, cố vấn.

4. Kết nối doanh nghiệp với viện nghiên cứu, trường đại học và các đối tác tiềm năng trong hệ sinh thái để phát triển sản phẩm mới; cung cấp các khóa tập huấn, đào tạo chuyên sâu về kỹ năng thiết kế mẫu, sản phẩm phù hợp với thị trường quốc tế; hỗ trợ nâng cao năng lực nghiên cứu thị trường, thiết kế, xây dựng thương hiệu quốc tế; thiết kế và phát triển bao bì cao cấp

5. Thực hiện các chương trình đào tạo, phổ biến thông tin và tư vấn cho doanh nghiệp về chiến lược vươn ra thị trường quốc tế, pháp luật và tiêu chuẩn quốc tế, phòng vệ thương mại, quản trị rủi ro và văn hóa kinh doanh quốc tế, bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại thị trường nước ngoài, sử dụng các phương thức thanh toán xuyên biên giới hiện đại, an toàn dựa trên các công nghệ tài chính số (fintech);

6. Trang bị nhận thức đầy đủ cho đội ngũ cán bộ từ trung ương đến địa phương và ở nước ngoài; đào tạo, nâng cao kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm xây dựng và thực thi chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh quốc tế (các kỹ năng về đàm phán, hỗ trợ kết nối doanh nghiệp, tổ chức các sự kiện kết nối quốc tế...).

7. Tăng cường năng lực cho mạng lưới các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp vươn ra thị trường quốc tế (các hiệp hội, các tổ chức tư vấn công và tư) và chuyên gia tư vấn đáp ứng yêu cầu về năng lực chuyên môn, có kết nối với mạng lưới quốc tế.

8. Ban hành các tài liệu, cẩm nang hướng dẫn, bản tin, các báo cáo chuyên đề, chuyên sâu về thị trường, ngành hàng, thị hiếu, văn hóa, pháp luật, sở thích, xu hướng của người tiêu dùng quốc tế, đầu tư quốc tế, kết nối kinh doanh quốc tế.

9. Đào tạo, tư vấn chuyên sâu về xây dựng, quản lý kênh phân phối quốc tế; xây dựng và vận hành hệ thống các trung tâm dịch vụ sau bán hàng trên thị trường quốc tế; phát triển hệ thống chăm sóc khách hàng quốc tế;

Điều 16. Báo Công Thương

Xây dựng và triển khai Đề án truyền thông Chương trình GoGlobal nhằm nâng cao nhận thức, lan tỏa và thu hút sự tham gia của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp; tổ chức các hoạt động truyền thông trên báo chí, truyền hình, nền tảng số và mạng xã hội trong nước, quốc tế; xây dựng, duy trì chuyên trang điện tử GoGlobal; sản xuất các sản phẩm truyền thông và tôn vinh các doanh nghiệp điển hình tham gia Chương trình.

CHƯƠNG IV. GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ BÁO CÁO

Điều 17. Cơ chế giám sát và đánh giá

1. Lãnh đạo Bộ Công Thương triệu tập cuộc họp với Cục Xúc tiến thương mại và các đơn vị liên quan khi cần để nghe báo cáo tiến độ, xem xét các vướng mắc và quyết định điều chỉnh kế hoạch.

2. Từ năm 2027, Bộ Công Thương tổ chức đánh giá kết quả và tác động thực hiện Chương trình hàng năm theo bộ chỉ số GoGlobal Index; kết quả đánh giá được công bố công khai trên GoGlobal Platform.

3. Năm 2028, tổ chức đánh giá giữa kỳ toàn diện Chương trình (có thể thuê tư vấn độc lập); căn cứ kết quả đánh giá để điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ và phương thức triển khai trong giai đoạn 2029–2030.

4. Năm 2030, tổ chức tổng kết Chương trình GoGlobal 2026–2030; đề xuất định hướng và giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.

Điều 18. Chế độ báo cáo

1. Trước ngày 10 tháng 12 hàng năm: Các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ gửi báo cáo kết quả thực hiện Chương trình về Cục Xúc tiến thương mại để tổng hợp.

2. Trước ngày 20 tháng 12 hàng năm: Cục Xúc tiến thương mại hoàn thiện báo cáo tổng hợp trình Lãnh đạo Bộ.

3. Trước ngày 25 tháng 12 hàng năm: Bộ Công Thương báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình, kết quả triển khai Chương trình.

4. Báo cáo đột xuất: Thực hiện theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Chương trình hoặc Lãnh đạo Bộ./.